

Bản án số: 24/2021/HS-ST

Ngày: 28-4-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hà

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/TLST-HS ngày 18/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HS ngày 01/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/HSST- QĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn M, sinh năm 1975; STQ tại: Thôn Nhuệ T, xã Thuần L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Lê Thị D, sinh năm 1951; có vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1975, 02 con: con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án; tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 17/7/2002, bị TAND huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 09/2002/HSST. Bị cáo đã nộp án phí xong ngày 05/11/2004; về bồi thường thiệt hại, do bị hại không yêu cầu thi hành án nên đã hết thời hiệu ngày 18/8/2007;

- Ngày 16/4/2004, bị TAND huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 03/2004/HSST và tổng hợp hình phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 09/2002/HSST. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 33 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/3/2005; nộp 5.100.000đ án phí và tiền tịch thu sung quỹ Nhà nước ngày 05/11/2004; Bồi thường cho Đào Văn Thành, Hoàng Thị Bình, Đỗ Thanh Yên; những người còn lại không có đơn yêu cầu thi hành án nên hết thời hiệu thi hành án ngày 18/5/2009.

- Ngày 28/7/2009, bị TAND huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án

về tội “Đánh bạc” theo bản án số 45/2009/HSST; Bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách ngày 28/7/2012; hình phạt bổ sung và án phí bị cáo đã nộp xong.

- Ngày 20/8/2015, bị TAND tỉnh Ninh Bình xử phạt 33 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số 19/2015/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2017, tại Trại giam Ninh Khánh, Bộ Công an; Bị can đã nộp xong án phí và tiền phạt ngày 10/12/2015.

- Ngày 14/9/2020, bị TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số 262/2020/HSST; Ngày 13/01/2021, TAND tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm, tuyên giữ nguyên mức hình phạt cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2020 (có mặt).

2/ Lê Quý D, sinh năm 1995; STQ tại: Số 21 Phú Thứ Đ, phường Phú S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1963 và bà Ngô Thị P, sinh năm 1965; có vợ: Lý Thị H, sinh năm 1993; có 01 con sinh năm 2018; Tiền án; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt;

3/ Phạm Thế C - Sinh năm 1992; STQ tại: Khu 3, thị trấn Sao V, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế C, sinh năm 1967 và bà Trần Thị T, sinh năm 1974; có vợ: Hoàng Thanh N, sinh năm 1991; có 02 con: con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt;

* Bị hại: Mai Văn C - Sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn 7, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; (có đơn xin xét xử vắng mặt);

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vũ Thị H - Sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn Nhuệ T, xã Thuần L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ, ngày 15/9/2020, Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Future, BKS 36B7- 616.34 của vợ là Vũ Thị H đi từ xã Thuần L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình để đánh bạc cùng với những người quen qua mối quan hệ xã hội.

Khoảng 2 giờ sáng, ngày 16/9/2020, M điều khiển xe đến gần Cầu Kênh thuộc địa phận thị trấn huyện Nga Sơn. M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau đó, M đi theo hướng Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn đến xã Nga Văn. Khi đến thôn 2, xã Nga V, M nhìn thấy 01 xe ô tô 04 chỗ ngồi, BKS 36A-101.31 của anh Mai Văn C đang đỗ trước ngôi nhà của anh đang xây dựng. M cho xe chạy qua 30m, dừng xe, tắt máy, dựng xe vào lề đường rồi cầm đèn pin đi bộ lại gần ô tô quan sát, thấy không có người bên trong, cửa xe khóa. M đi vào ngôi nhà đang xây, qua ánh đèn pin M nhìn thấy anh C đang nằm ngủ trên tấm phản gỗ kê ở phòng

khách tầng 1, điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A50S cùng với chìa khóa ô tô đang để ở cuối tầng hầm. M lấy điện thoại bỏ vào túi quần, cầm chìa khóa xe ô tô ra ngoài và mở khóa cánh cửa xe phía trước, bên phải. M soi đèn vào cốp xe phía trước ghế ngồi thấy 01 ví màu đen. M mở ra lấy 800.000đ; 01 dây chuyền bằng vàng loại 05 chỉ; 01 dây chuyền vàng loại 02 chỉ gắn mặt đá; 01 nhẫn vàng tròn trơn loại 01 chỉ; 01 nhẫn tròn vàng trơn loại 0,5 chỉ bỏ vào túi quần của mình, còn chiếc ví da M vẫn để lại trên ghế ô tô.

Lấy được tài sản M điều khiển xe chạy hướng thị xã Bim Sơn, theo quốc lộ 1A về nhà ở xã Thuần L, huyện Hậu Lộc. Đến 8 giờ sáng cùng ngày, M điều khiển xe mô tô lên thành phố Thanh Hóa để bán tài sản trộm cắp. M đến hiệu vàng bạc Lộc Vân, địa chỉ: số nhà 71 Trần P, phường Lam S, thành phố Thanh Hóa, gặp anh Nguyễn Văn L (chủ cửa hàng) và nói cần bán 02 sợi dây chuyền vàng và 02 nhẫn vàng (là tài sản của M). Anh L xác định số vàng M bán là 8,5 chỉ, loại vàng 9999, trả giá 43.050.000đ, M đồng ý bán số vàng đó cho anh L và nhận tiền.

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A50S, M mang đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại “Dũng Râu” địa chỉ: số 261, đường Trần Phú, phường Ba Đ, thành phố Thanh Hóa với ý định bán điện thoại. Tại cửa hàng, M gặp Lê Quý D (chủ cửa hàng) và Phạm Thế C (thợ giúp việc) đang sửa chữa điện thoại cho khách. Do M đã từng đến nhờ sửa điện thoại nên M nhờ D phá mật khẩu điện thoại Sam sung A50S và 01 máy tính bảng hiệu Huawei tab7 và 01 điện thoại Iphone6. Sau khi phá được mật khẩu điện thoại Sam sung A50S, M muốn bán các tài sản trên. D và C đều biết điện thoại Sam sung A50S là tài sản M trộm cắp. D đồng ý mua điện thoại Sam sung A50S với giá 2.200.000đ và 01 máy tính bảng hiệu Huawei tab7 với giá 500.000đ; còn lại 01 điện thoại Iphone6, không mở được khóa nên D không mua. Biết D không mua điện thoại Iphone6 nên C hỏi mua giá 400.000đ, M đồng ý bán. Nhận được tiền của D và C đưa, M điều khiển xe mô tô chạy về nhà. Toàn bộ số tiền có được từ việc bán các tài sản trộm cắp M mang đi đánh bạc tại huyện Kim Sơn và bị thua hết. Chiều cùng ngày, C hỏi D mua lại chiếc điện thoại Sam sung A50S với giá 2.400.000đ và chiếc máy tính bảng hiệu Huawei tab7 500.000đ mà D mua của M. C mang điện thoại Sam sung A50S về cửa hàng của mình tại thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân. Sau đó, C đăng lên Facebook chào bán điện thoại Sam sung A50S. Ngày 19/9/2020, anh Nguyễn Xuân T ở Thôn Tùng C, xã Tùng A, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (là bạn chơi cùng câu lạc bộ xe Honda 67) liên lạc và hỏi mua chiếc điện thoại với giá 3.500.000đ. Sau đó, C đã chuyển điện thoại đó qua dịch vụ chuyển phát nhanh cho T. Ngày 20/9/2020, anh T nhận được điện thoại nhưng chưa chuyển tiền cho C vì trước đó hai bên trao đổi để anh T dùng thử chiếc điện thoại nếu ưng thì chuyển tiền sau.

Ngày 16/9/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn nhận được đơn tố giác của anh Mai Văn C về việc bị mất các tài sản vào tối ngày 15/9/2020, gồm: tiền mặt 800.000đ; vàng 9999 là 8,5 chỉ; 01 điện thoại di động Sam sung A50S. Tổng giá trị tài sản khoảng 50.000.000đ. Xác định vụ án có tính chất phức tạp nên đã được chuyển lên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa xác minh, giải quyết. Quá trình điều tra, xác minh Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa xác định chiếc điện thoại của anh C trùng với điện thoại anh T mua từ tài khoản Facebook “Ngọc Chinh”

được chào bán vào ngày 19/9/2020. Ngày 22/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã làm việc với anh T, xác định nguồn gốc điện thoại anh T mua là vật chứng vụ án nên anh T đã giao nộp điện thoại di động Sam sung A50S và 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật, kích thước (18 x 10 x 10)cm, trên hộp giấy dán tờ giấy ghi “N.Gửi: Phạm Thế C, khu 3, TT.Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa-0978798807; N.Nhận: Nguyễn Xuân T, Trường THCS Yên T, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.0915423123” cho Cơ quan CSĐT để phục vụ việc điều tra vụ án.

Ngày 23/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa tiến hành làm việc với Lê Quý D và Phạm Thế C. D và C đã cung cấp thông tin, hình ảnh của Nguyễn Văn M là người bán điện thoại di động Sam sung A50S của anh C vào ngày 16/9/2020.

Ngày 25/9/2020, M đã đến phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp 01 mô tô nhãn hiệu Future, BKS 36B7- 616.34.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn M ở xã Thuần L, huyện Hậu Lộc thu giữ một số đồ vật, gồm: 01 đôi giày, dạng giày vải đế cao su, viền đế giày màu trắng, phía sau gót giày in dòng chữ nổi màu trắng cao su, viền đế giày màu trắng, phía sau gót giày in dòng chữ nổi màu trắng “Sport” cỡ giày 43; 01 đôi giày thể thao màu xám, viền đế giày màu trắng, phía trên in dòng chữ “Fashion”; 01 chiếc kim, dạng kim điện có tay cầm màu đỏ- đen, dài khoảng 13 cm; 01 mũ lưỡi trai màu đen, bên trong có dòng chữ “Non Son”; 01 quần bò ống dài, màu tối, cỡ 32, đai quần phía sau có gắn móc “level singe 1985”; 01 áo nỉ tay dài, màu tối, có mũ trùm đầu, dạng kéo khóa, cỡ 3XL, ngực áo bên trái có dòng chữ Ladysyt; 01 áo sơ mi dài tay, màu tối, bên trong cổ áo có dòng chữ “Bluebiro Tunshi”; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, cổ áo có dòng chữ “Novelty 40”; 01 áo sơ mi hiệu Owen, dạng sọc kẻ, màu xanh đen, áo cài khuy; 01 khẩu trang vải có sọc kẻ nhiều màu; 01 đèn pin màu đen, dài khoảng 30cm, trên thân đèn pin có dòng chữ “Police”.

Tại kết luận định giá số 58/KL-HĐĐGTS ngày 30/9/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tại thời điểm định giá ngày 16/9/2020.

- 01 chiếc điện thoại màu đen số IMEI1: 352049110257897; IMEI2: 352050110257895 đã qua sử dụng, giá trị là 4.200.000đ;

- 8,5 chỉ vàng loại 9999 đã qua chế tác có đặc điểm (01 dây chuyền vàng 05 chỉ; 01 dây chuyền vàng 02 chỉ có mặt gắn đá; 01 nhẫn tròn trơn 01 chỉ; 01 nhẫn tròn trơn 0,5 chỉ), giá trị là 46.300.000đ. Tổng giá trị tài sản định giá là 50.500.000đ.

Như vậy, tổng giá trị tiền mặt và tài sản M trộm cắp của anh C là 51.300.000đ.

Hành vi mua bán điện thoại di động Sam sung A50s của Lê Quý D và Phạm Thế C do M trộm cắp mà có. D, C biết rõ là tài sản trộm cắp nhưng vì ham rẻ nên vẫn đồng ý mua. D bán lại điện thoại cho C hưởng lợi 200.000đ; C mua lại và bán cho người khác hưởng lợi 1.100.000đ nên phạm tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của BLHS.

Để phục vụ cho công tác điều tra, ngày 23/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã tạm giữ của Phạm thế C 18 chiếc điện thoại (các loại) và tạm giữ

của Lê Quý D 01 máy tính bảng nhãn hiệu Huawei tab 7.0, đã qua sử dụng, mặt kính bị vỡ. Tuy nhiên, các tài sản trên không liên quan đến tội phạm nên đã được trả lại cho bị cáo D và C.

Đối với anh Nguyễn Văn L, là chủ cửa hàng vàng bạc mua số lượng vàng (8,5 chỉ) loại 9999 do bị cáo M bán giá trị 43.050.000đ nhưng anh L không biết đó là tài sản do M trộm cắp mà có. Sau khi mua số vàng trên, anh đã chế tác và bán cho người khác. Việc mua bán vàng của anh L và bị cáo M là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự với anh L là phù hợp quy định.

Đối với bị hại anh Mai Văn C: số vàng M trộm cắp của anh là 8,5 chỉ loại 9999 và tiền mặt là 800.000đ nhưng M chưa bồi thường cho anh. Anh yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền 800.000đ và giá trị vàng là 46.300.000đ, tổng giá trị tài sản là 47.100.000đ. Ngày 23/9/2020, anh C nhận lại tài sản là điện thoại di động Sam sung A50S, anh không có yêu cầu gì thêm.

* Về vật chứng của vụ án và tài sản thu giữ của bị cáo Minh:

- Vật chứng vụ án: gồm:

+ 01 mô tô nhãn hiệu Future, BKS 36B7- 616.34, qua xác minh xe mô tô trên là của chị Vũ Thị H (vợ M), do M dùng làm phương tiện phạm tội. Chị H không biết nên cần xem xét để trả lại cho chị H theo quy định;

+ 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật, kích thước (18 x 10 x 10)cm, trên hộp giấy dán tờ giấy ghi “N.Gửi: Phạm Thế C, khu 3, TT.Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa- 0978798807; N.Nhận: Nguyễn Xuân T, Trường THCS Yên Trấn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.0915423123”; xem xét xử lý theo quy định.

- Về tài sản thu giữ tại nhà của bị cáo M, gồm: 01 đôi giày, dạng giày vải đế cao su, viền đế giày màu trắng, phía sau gót giày in dòng chữ nổi màu trắng cao su, viền đế giày màu trắng, phía sau gót giày in dòng chữ nổi màu trắng “Sport” cỡ giày 43; 01 đôi giày thể thao màu xám, viền đế giày màu trắng, phía trên in dòng chữ “Fashion”; 01 chiếc kim, dạng kim điện có tay cầm màu đỏ- đen, dài khoảng 13 cm; 01 mũ lưỡi trai màu đen, bên trong có dòng chữ “Non Son”; 01 quần bò ống dài, màu tối, cỡ 32, đai quần phía sau có gắn móc “level singe 1985”; 01 áo nỉ tay dài, màu tối, có mũ trùm đầu, dạng kéo khóa, cỡ 3XL, ngực áo bên trái có dòng chữ Ladysyt; 01 áo sơ mi dài tay, màu tối, bên trong cổ áo có dòng chữ “Bluebiro Tunshi”; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, cổ áo có dòng chữ “Novelty 40”; 01 áo sơ mi hiệu Owen, dạng sọc kẻ, màu xanh đen, áo cài khuy; 01 khẩu trang vải có sọc kẻ nhiều màu; 01 đèn pin màu đen, dài khoảng 30cm, trên thân đèn pin có dòng chữ “Police”. Những tài sản này đều là những đồ cũ, đã qua sử dụng, không còn giá trị M không có yêu cầu nhận lại, sẽ được xem xét theo quy định.

Đối với chiếc đèn pin M sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, M đã vứt bỏ nhưng không nhớ vị trí, đã được truy tìm nhưng không có kết quả nên miễn xét.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo M trả lại giá trị 8,5 chỉ loại vàng (9999) theo giá Hội đồng định giá tài sản xác định là 46.300.000đ và tiền mặt là 800.000đ; tổng giá trị là 47.100.000đ cho anh C theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSNS, ngày 16/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo

quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS; Bị cáo Lê Quý D và Phạm Thế C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội, đại diện VKSND huyện Nga Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS; Bị cáo Lê Quý D và Phạm Thế C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 38 và điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS;

Xử phạt: Nguyễn Văn M từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù; Tổng hợp với hình phạt 42 (*Bốn hai*) tháng tù tại bản án HSST, số 262/2020, ngày 14/9/2020 của TAND TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa và bản án HSPT số 07/2021/HSPT ngày 13/01/2021 của TAND tỉnh Thanh Hóa, được trừ đi 09 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/01/2020). Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án; thời hạn tính từ ngày tạm giữ 25/9/2020;

- Áp dụng điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; và khoản 1 Điều 323 của BLHS;

Xử phạt: Lê Quý D từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ; Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Phạm Thế C từ 09 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ; Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- * Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo M, D, C.

- * Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 30 BLTTHS; Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 BLDS chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm hại cho anh C theo giá trị tài sản Hội đồng định giá đã xác định; Buộc bị cáo M phải bồi thường số tiền 800.000đ và giá trị 8,5 chỉ vàng (9999) là 46.300.000đ cho anh C; tổng cộng là 47.100.000đ;

- * Xử lý vật chứng, tài sản của vụ án:

- Trả lại xe mô tô nhãn hiệu Future, BKS 36B7-616.34, số khung RLHJC7639LY007802; số máy JC7GE1114109, đã qua sử dụng cho chị Vũ Thị H (chủ xe).

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật, kích thước (18 x 10 x 10)cm, trên hộp giấy dán tờ giấy ghi “*N.Gửi: Phạm Thế C, khu 3, TT.Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa- 0978798807; N.Nhận: Nguyễn Xuân T, Trường THCS Yên T, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.0915423123*”;

- Những tài sản thu giữ tại nhà của bị cáo M, do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng tài sản đều cũ, qua sử dụng, không còn giá trị và bị cáo không có nhu cầu nhận lại nên tiêu hủy, gồm: 01 đôi giày, dạng giày vải đế cao su, viền đế giày màu trắng, phía sau gót giày in dòng chữ nổi màu trắng cao su, viền đế giày màu trắng, phía sau gót giày in dòng chữ nổi màu trắng “Sport” cỡ giày 43; 01 đôi giày thể thao màu xám, viền đế giày màu trắng, phía trên in dòng chữ “Fashion”; 01 chiếc

kìm, dạng kìm điện có tay cầm màu đỏ- đen, dài khoảng 13 cm; 01 mũ lưỡi trai màu đen, bên trong có dòng chữ “Non Sơn”; 01 quần bò ống dài, màu tối, cỡ 32, đai quần phía sau có gắn móc “level singe 1985”; 01 áo nỉ tay dài, màu tối, có mũ trùm đầu, dạng kéo khóa, cỡ 3XL, ngực áo bên trái có dòng chữ Ladysyt; 01 áo sơ mi dài tay, màu tối, bên trong cổ áo có dòng chữ “Bluebiro Tunshi”; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, cổ áo có dòng chữ “Novelty 40”; 01 áo sơ mi hiệu Owen, dạng sọc kẻ, màu xanh đen, áo cài khuy; 01 khẩu trang vải có sọc kẻ nhiều màu; 01 đèn pin màu đen, dài khoảng 30cm, trên thân đèn pin có dòng chữ “Police”.

* Truy thu số tiền 2.200.000đ của bị cáo M và 200.000đ của bị cáo D là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có sung Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Văn M, Lê Quý D và Phạm Thế C không có ý kiến tranh luận với VKS. Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn M, Lê Quý D, Phạm Thế C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình:

Đêm 15/9/2020, bị cáo M trên đường từ huyện Kim Sơn trở về nhà ở huyện Hậu Lộc. Khi đến địa phận thị trấn Nga Sơn, do cần tiền chi tiêu M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. M đã điều khiển xe mô tô chạy từ thị trấn Nga Sơn về xã Nga V và phát hiện xe ô tô của anh C để trước nhà đang xây, không có người trông coi. M đã quan sát, lén lút vào bên trong nhà anh C, phát hiện anh C đang nằm ngủ, chìa khóa xe và điện thoại đang để cuối phản. M lấy chìa khóa ra xe mở cánh cửa và lấy được tài sản anh C để trong ví ở cốp xe, gồm tiền mặt 800.000đ và vàng 9999 là 8,5 chỉ. Sau đó bị cáo mang lên thành phố Thanh Hóa bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của anh C, Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị là 51.300.000đ. Như vậy, bị cáo M đã lợi dụng sự sơ hở của người có tài sản, đã lén lút dùng chìa khóa xe bị hại để ở cuối phản, mở cửa và lấy được tài sản. Lời khai của bị cáo phù hợp với đơn trình báo của bị hại, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những hành vi phạm tội trên của bị cáo M, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS.

Đối với bị cáo D và C do từng biết M qua một số lần nhờ sửa điện thoại. Khi M mang điện thoại di động đến cửa hàng để nhờ mở mật khẩu và có ý định bán lại. D và C đều biết là tài sản M trộm cắp mà có. D là chủ cửa hàng đồng ý mua lại với giá 2.200.000đ; sau đó C muốn bán lại cho người khác để hưởng lợi nên mua lại tài sản này của D với giá 2.400.000đ và C bán lại cho T với giá 3.500.000đ. Như vậy, giá trị tài sản D được hưởng lợi là 200.000đ, C được hưởng lợi 1.100.000đ (C chưa nhận được là ngoài ý thức chủ quan của bị cáo). Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai bị cáo M, người mua tài sản của bị cáo C và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những hành vi phạm tội trên của các bị cáo Hội đồng xét xử đủ cơ sở

kết luận: Bị cáo Lê Quý D và Phạm Thế C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của BLHS.

Hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tuổi còn trẻ, là người có sức khỏe.

Bị cáo M không chịu lao động, bản tính ham chơi, muốn hưởng thụ trên thành quả công sức từ tài sản của người khác. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người có tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau đó đem tài sản trộm cắp bán cho nhiều người khác. Bị cáo đã từng bị kết án về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Đánh bạc”. Ngày 14/9/2020, bị cáo bị TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số 262/2020/HSST; Ngày 13/01/2021, TAND tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm, tuyên giữ nguyên mức hình phạt cấp sơ thẩm xét xử. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, HĐXX xem xét tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo theo quy định.

Đối với bị cáo D và C đều biết tài sản bị cáo M mang đến nhờ phá mật khẩu và chào bán là tài sản trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua điện thoại của M. D là người thực hiện việc mua điện thoại của M, sau đó bán lại điện thoại cho C, hưởng chênh lệch 200.000đ; còn C tiếp tục chào bán điện thoại đó qua mạng xã hội cho người khác để hưởng chênh lệch là 1.100.000đ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây nguy hiểm và mất trật tự trị an xã hội.

Bị cáo M phạm tội “Trộm cắp tài sản”, có tổng giá trị tài sản được Hội đồng định giá xác định 51.300.000đ nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS;

Bị cáo D và C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” có tổng giá trị là 4.200.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của BLHS.

[3] Xét vai trò của bị cáo D và C trong vụ án: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò trước. Bị cáo D là người trực tiếp mua điện thoại của bị cáo M và bán lại cho bị cáo C hưởng lợi 200.000đ nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất; bị cáo C mua lại điện thoại của bị cáo D hưởng lợi 1.100.000đ (chưa nhận được tiền anh T thanh toán là ngoài ý thức chủ quan của bị cáo) nên giữ vai trò thứ yếu. Vì vậy, cần xem xét vai trò từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo M có nhân thân xấu, đã 5 lần bị kết án về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Đánh bạc”; trong đó tại bản án HSST số 262/2020, ngày 14/9/2020 của TAND TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 42 tháng tù; bản án HSPT số 07/2021/HSPT ngày 13/01/2021 của TAND tỉnh Thanh Hóa, y án sơ thẩm. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt thì lại tiếp tục phạm tội.

Các bị cáo D và C có nhân thân tốt.

- Xét về tình tiết giảm nhẹ: Đối với bị cáo M, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được

hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo D và C đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 của BLHS. Đối với đề nghị của VKS về áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D, C. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra không được thể hiện bằng các tài liệu cụ thể của cơ quan có thẩm quyền cho nên không có căn cứ để HĐXX áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo D và C.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Từ những căn cứ nêu trên xét thấy cần áp dụng Điều 38 của BLHS có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội đối với bị cáo Nguyễn Văn M, cách ly bị cáo M ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân biết tôn trọng pháp luật.

Đối với bị cáo D và bị cáo C: cần xem xét áp dụng Điều 36 BLHS phạt Cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo; giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung, là thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[6] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo M, D, C.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo M phải bồi thường lại giá trị tài sản bị cáo trộm cắp cho anh C, tiền mặt là 800.000đ và giá trị 8,5 chỉ vàng (9999) là 46.300.000đ ; tổng cộng là 47.100.000đ (*Bốn bảy triệu một trăm nghìn đồng*).

[8] Về xử lý vật chứng vụ án và tài sản thu giữ của bị cáo M:

- Xe mô tô nhãn hiệu Future, BKS 36B7-616.34, số khung RLHJC7639LY007802; số máy JC7GE1114109, đã qua sử dụng. Quá xác minh làm rõ là của chị Vũ Thị H, chủ xe. Bị cáo M (chồng chị) sử dụng đi lại và thực hiện phạm tội, chị không biết. Do đó cần trả lại xe mô tô trên cho chị H là phù hợp quy định .

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật, kích thước (18 x 10 x 10)cm, trên hộp giấy dán tờ giấy ghi “*N.Gửi: Phạm Thế C, khu 3, TT.Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa- 0978798807; N.Nhận: Nguyễn Xuân T, Trường THCS Yên Trấn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.0915423123*”;

- Cần tiêu hủy những tài sản thu giữ tại nhà của bị cáo M, do không liên quan đến hành vi phạm tội, do tài sản đều cũ, qua sử dụng, không còn giá trị và bị cáo không có nhu cầu nhận lại, gồm: 01 đôi giày, dạng giày vải đế cao su, viền đế giày màu trắng, phía sau gót giày in dòng chữ nổi màu trắng cao su, viền đế giày màu trắng, phía sau gót giày in dòng chữ nổi màu trắng “Sport” cỡ giày 43; 01 đôi giày thể thao màu xám, viền đế giày màu trắng, phía trên in dòng chữ “Fashion”; 01 chiếc kim, dạng kim điện có tay cầm màu đỏ- đen, dài khoảng 13 cm; 01 mũ lưỡi trai màu đen, bên trong có dòng chữ “Non Sơn”; 01 quần bò ống dài, màu tối, cỡ 32, đai quần phía sau có gắn móc “level singe 1985”; 01 áo nỉ tay dài, màu tối, có mũ trùm đầu, dạng kéo khóa, cỡ 3XL, ngực áo bên trái có dòng chữ Ladysyt; 01 áo sơ mi dài tay,

màu tối, bên trong cổ áo có dòng chữ “Bluebird Tunshi”; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, cổ áo có dòng chữ “Novelty 40”; 01 áo sơ mi hiệu Owen, dạng sọc kẻ, màu xanh đen, áo cài khuy; 01 khẩu trang vải có sọc kẻ nhiều màu; 01 đèn pin màu đen, dài khoảng 30cm, trên thân đèn pin có dòng chữ “Police”.

- Truy thu số tiền 2.200.000đ của bị cáo M và 200.000đ của bị cáo D là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có sung Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo C bán lại điện thoại hưởng chênh lệch tài sản là 1.100.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành nhưng số tiền trên bị cáo chưa nhận được là ngoài ý thức chủ quan của bị cáo. Do đó, không truy thu số tiền trên của bị cáo để sung Ngân sách Nhà nước.

Chiếc đèn pin bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, M đã vứt bỏ nhưng không nhớ vị trí, đã được truy tìm nhưng không có kết quả nên miễn xét.

[9] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và căn cứ theo quy định tại các Điều 37; Điều 42 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo M phải chịu án phí DSST theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo M);

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17 Điều 58 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo D, C);

* Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Bị cáo Lê Quý D và Phạm Thế C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn M 05 (Năm) năm tù; Tổng hợp với hình phạt 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án sơ thẩm số 262/2020/HSST, ngày 14/9/2020 của TAND TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; bản án HSPT số 07/2021/HSPT ngày 13/01/2021 của TAND tỉnh Thanh Hóa, được trừ đi 09 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 10/01/2020). Buộc bị cáo M phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 08 (Tám) năm 05 (Năm) tháng 21 (hai một) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (25/9/2020).

- Bị cáo Lê Quý D 12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ; Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Phú S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nhận được Bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Bị cáo Phạm Thế C 09 (Chín) tháng Cải tạo không giam giữ; Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Sao V, huyện Thọ Xuân, tỉnh

Thanh Hóa nhận được Bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 589; Điều 357 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn M bồi thường cho anh Mai Văn C số tiền 800.000đ và giá trị 8,5 chỉ vàng (9999) là 46.300.000đ; tổng giá trị chung là 47.100.000đ (*Bốn bảy triệu một trăm nghìn đồng*);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại xe mô tô nhãn hiệu Future, BKS 36B7-616.34, số khung RLHJC7639LY007802; số máy JC7GE1114109, đã qua sử dụng cho chị Vũ Thị H.

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật, kích thước (18 x 10 x 10)cm, trên hộp giấy dán tờ giấy ghi “*N.Gửi: Phạm Thế C, khu 3, TT.Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa- 0978798807; N.Nhận: Nguyễn Xuân T, Trường THCS Yên T, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.0915423123*”;

- Tiêu hủy những tài sản thu giữ tại nhà của bị cáo M, do không liên quan đến hành vi phạm tội, do tài sản đều cũ, qua sử dụng, không còn giá trị và bị cáo không có nhu cầu nhận lại, gồm: 01 đôi giày, dạng giày vải đế cao su, viền đế giày màu trắng, phía sau gót giày in dòng chữ nổi màu trắng cao su, viền đế giày màu trắng, phía sau gót giày in dòng chữ nổi màu trắng “Sport” cỡ giày 43; 01 đôi giày thể thao màu xám, viền đế giày màu trắng, phía trên in dòng chữ “Fashion”; 01 chiếc kim, dạng kim điện có tay cầm màu đỏ- đen, dài khoảng 13 cm; 01 mũ lưỡi trai màu đen, bên trong có dòng chữ “Non Son”; 01 quần bò ống dài, màu tối, cỡ 32, đai quần phía sau có gắn móc “level singe 1985”; 01 áo nỉ tay dài, màu tối, có mũ trùm đầu, dạng kéo khóa, cỡ 3XL, ngực áo bên trái có dòng chữ Ladysyt; 01 áo sơ mi dài tay, màu tối, bên trong cổ áo có dòng chữ “Bluebiro Tunshi”; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, cổ áo có dòng chữ “Novelty 40”; 01 áo sơ mi hiệu Owen, dạng sọc kẻ, màu xanh đen, áo cài khuy; 01 khẩu trang vải có sọc kẻ nhiều màu; 01 đèn pin màu đen, dài khoảng 30cm, trên thân đèn pin có dòng chữ “Police”.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/3/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn)

* Truy thu số tiền 2.200.000đ của bị cáo M và 200.000đ của bị cáo D là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có sung Ngân sách Nhà nước.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Nguyễn Văn M, Lê Quý D, Phạm Thế C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST. Bị cáo M phải chịu 2.355.000đ án phí DSST.

* Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Công an huyện Nga Sơn;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Phòng GD-KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huệ

